THCS TRẦN VĂN ƠN

**25 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KTCK HK1 KHTN 7 NĂM HỌC 2022-2023**

**CHỦ ĐỀ 2: PHÂN TỬ**

**Câu 1:** Đơn chất là chất có cấu tạo như thế nào?

A. Phi kim do con người tạo ra.

B. Những chất luôn có tên gọi trùng với tên nguyên tố hóa học.

**C. Chất tạo ra từ một nguyên tố hóa học.**

D. Kim loại do trong tự nhiên tạo ra.

**Câu 2:** Chọn phát biểu đúng.

A .Phân tử của các hợp chất được tạo thành từ một nguyên tử của nguyên tố hóa học.

B. Phân tử của các đơn chất là do đơn chất hợp thành.

**C. Phân tử của các hợp chất được tạo thành từ hai hay nhiều nguyên tố hóa học.**

D. Phân tử của các hợp chất là có các hợp chất hợp thành.

**Câu 3:** Chất nào dưới đây là đơn chất?

1. KCl **B.**  C. D.

**Câu 4:** Dãy chỉ gồm toàn hợp chất là:

A. H2O, Fe, CuO, HCl. C. Na, K, S, Ca.

**B. MgO, NO2, H2O, BaO.**  D.KCl, HCl, Cu, CO2.

**Câu 5:** Trong số các chất có các công thức hóa học sau: , ,Cu, , Ag, Na, , . Có bao nhiêu đơn chất?

A. 4 B. 5 **C. 6**  D. 7

**Câu 6:** Cho những chất sau: khí Ozone ( , iron (Fe), nước đá ( và muối ăn (NaCl). Có bao nhiêu hợp chất?

A. 3 **B. 2**  C. 1 D. 4

**Câu 7:** Carbon dioxide là hợp chất tạo ra bọt khí trong nước giải khát có gas. Phân tử gồm 1 nguyên tử carbon và 2 nguyên tử oxygen. Khối lượng phân tử Carbon dioxide là bao nhiêu?

A. 40amu B. 28amu C. 46amu  **D.44amu**

**Câu 8:** Trong nước rửa tay khô có thành phần chính là Ethanol có công thức hóa học là . Khối lượng phân tử của Ethanol là bao nhiêu?

A. 45amu **B. 46amu**  C. 42amu D. 48amu

**Câu 9:** Baking soda là một loại muối được ứng dụng rộng rãi trong nhiều thực phẩm , dược phẩm, công nghiệp và hóa chất. Phân tử baking soda gồm có 1 nguyên tử Sodium , 3 nguyên tử Oxygen, 1 nguyên tử Hydrogen và 1 nguyên tử X ; khối lượng phân tử là 84amu. Tính khối lượng nguyên tử X và dựa vào bảng tuần hoàn xác định X là nguyên tố nào?

A.13 amu, X là Al C.11amu, X là Na

**B. 12 amu, X là C**  D. 14amu, X là Si

**Câu 10:** Để có số electron ở lớp ngoài cùng giống nguyên tử của nguyên tố khí hiếm, các nguyên tử của nguyên tố kim loại có khuynh hướng

1. **Nhường các electron ở lớp electron ngoài cùng.**
2. Nhận thêm electron vào lớp electron ngoài cùng.
3. Nhường electron hoặc nhận electron vào lớp electron ngoài cùng .
4. Nhường hoặc nhận electron hoặc góp chung electron ở lớp ngoài cùng.

**Câu 11:** Để tạo ion dương thì nguyên tử của nguyên tố kim loại như thế nào?

1. Góp chung các electron ở lớp ngoài cùng.
2. Nhận thêm electron để có đủ 8 electron ở lớp electron ngoài cùng.
3. Nhận thêm electron để có đủ electron tối đa ở lớp ngoài cùng.

**D. Nhường các electron ở lớp ngoài cùng.**

**Câu 12:** Để tạo ion âm thì nguyên tử của nguyên tố Chlorine như thế nào?

1. Nhường 1 electron để có đủ 8 electron ở lớp electron ngoài cùng.
2. **Nhận thêm 1 electron để có đủ 8 electron ở lớp electron ngoài cùng.**
3. Góp chung 1electron để có đủ 8 electron ở lớp ngoài cùng.
4. Giữ nguyên số electron của nguyên tử ở lớp ngoài cùng.

**Câu 13:** Tính chất nào là đúng với hợp chất ion ?

1. Hợp chất đều dễ nóng chảy.
2. Hợp chất đều khó tan trong nước.
3. **Khi hợp chất tan trong nước đều tạo dung dịch có khả năng dẫn điện được.**
4. Các hợp chất dễ bay hơi.

**Câu 14:** Đặc điểm nào phù hợp nhất cho nguyên tử của nguyên tố khí hiếm Helium ?

1. Nguyên tố khí hiếm này có 8 electron ở lớp ngoài cùng.
2. Vỏ nguyên tử của nguyên tố này đều có 2 lớp electron.
3. **Nguyên tố khí hiếm đều rất khó hoặc không kết hợp với nguyên tố khác thành hợp chất.**
4. Trong điều kiện thường hợp chất tạo bởi các nguyên tố khí hiếm rất nhiều.

**Câu 15:** Các sắp xếp liên kết trong phân tử nào sau đây không đúng?

1. Liên kết trong các phân tử đơn chất phi kim thường là liên kết cộng hóa trị.
2. Trong các phân tử đơn chất kim loại thường là xếp khít nhau và theo trật tự nhất định.
3. **Liên kết trong các phân tử đơn chất phi kim thường là liên kết ion.**
4. Liên kết giữa các nguyên tố kim loại với nguyên tố phi kim đều là liên kết ion.

**Câu 16:** Trong hợp chất Sodium chlorine liên kết nào sau đây đúng nhất?

1. Hợp chất chỉ có liên kết cộng hóa trị.
2. **Hợp chất chỉ có liên kết ion.**
3. Hợp chất có cả liên kết ion và liên kết cộng hóa trị.
4. Hợp chất chỉ có góp chung electron.

**Câu 17:** Trong phân tử hợp chất Carbon dioxide có liên kết nào sau đây?

1. **Hợp chất chỉ có liên kết cộng hóa trị.**
2. Hợp chất chỉ có liên kết ion.
3. Hợp chất có cả liên kết ion và liên kết cộng hóa trị.
4. Hợp chất chỉ có góp chung electron.

**Câu 18:** Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Công thức hoá học dùng để biểu diễn chất và cho biết khối lượng phân tử của chất.

B. Công thức hoá học dùng để biểu diễn chất và cho biết hoá trị của chất.

**C. Công thức hoá học cho biết thành phần nguyên tố và số nguyên tử của chất.**

D. Công thức hoá học dùng để biểu diễn các nguyên tố có trong chất.

**Câu 19:** Hoá trị của nguyên tố là đại lượng biểu thị khả năng ……………. của nguyên tử nguyên tố đó với nguyên tố khác có trong ……….

1. nguyên tử - phân tử
2. **liên kết – phân tử**
3. liên kết – nguyên tử
4. hạt nhân – phân tử

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong hợp chất tạo bởi C và H, hoá trị của nguyên tố C luôn bằng IV vì một nguyên tử C luôn liên kết với 4 nguyên tử H.

**B. Trong chất cộng hoá trị, nguyên tố H luôn có hoá trị bằng I.**

C. Trong hợp chất, nguyên tố S luôn có hoá trị bằng II.

D. Trong hợp chất, nguyên tố N luôn có hoá trị bằng III.

**Câu 21:** Một phân tử của hợp chất Carbon dioxide chứa một nguyên tử Carbon và hai nguyên tử Oxygen. Công thức hóa học đúng của hợp chất Carbon dioxide là gì?

A. CO2.

**B. CO2.**

C. CO2.

D. Co2.

**Câu 22:** Trong công thức hóa học NO2, N có hóa trị mấy?

1. I.
2. II.
3. III.
4. **IV.**

**Câu 23:** Xác định công thức hóa học của Sulfur trioxide có cấu tạo từ S hoá trị VI và O.

A. S2O6.

**B. SO3.**

C. SO2.

D. S2O.

**Câu 24:** Khi xác định hóa trị của nguyên tố trong hợp chất cộng hoá trị, có thể dựa vào hóa trị của nguyên tố nào đã biết làm đơn vị?

1. **Oxygen.**
2. Sulfur.
3. Nitrogen.
4. Carbon.

**Câu 25:** Nguyên tố Sodium trong hợp chất có hóa trị I. Chọn công thức hoá học đúng của hợp chất có Sodium?

1. **Na2SO4.**
2. NaO.
3. NaCl2.
4. Na(OH)2.

BÀI 5 4 NB +5 TH

BÀI 6 4NB + 4 TH

BÀI 7 3NB + 5TH

GỒM 3 BÀI 5, 6 và 7 có 11 CÂU NB VÀ 14 CÂU TH